

Thứ hai, ngày 5 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Nhịp tăng tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 6/4/2021		•	
Tuần 5/4-9/4/2021			•
Tháng 3/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà tăng của thị trường tiếp tục trong phiên đầu tuần nhờ vận động tích cực của nhóm cổ phiếu Ngân hàng và Bất động sản. Dòng tiền đầu tư suy giảm nhẹ so với phiên trước khi thị trường có 9/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản tăng nhẹ và độ rộng thị trường trung lập phản ánh lực mua bán đang cân bằng lại sau khi thị trường bứt phá ngưỡng 1,200 điểm. Khối ngoại quay tiếp tục mua ròng tại HSX trong khi bán ròng ở HNX. Với việc khối ngoại mua ròng trở lại cùng dòng tiền khối nội ổn định, BSC duy trì quan điểm thị trường sẽ tích lũy ngắn hạn trong vùng 1215-1230 điểm như đã đề cập trong báo cáo tuần 15.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 5/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: VCB_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+11.60** điểm, đóng cửa **1,236.05** điểm. HNX-Index **-3.65** điểm, đóng cửa **291.24** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+4.15)**, **VIC(+1.17)**, **NVL(+0.92)**, **VHM(+0.89)**, **VIB(+0.77)**
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.46)**, **BVH(-0.21)**, **PLX(-0.21)**, **KDH(-0.09)**, **MWG (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,003** tỷ đồng, **+4.7%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16,815 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 16.32 điểm. Thị trường có **226** mã tăng, 62 mã tham chiếu và **201** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **122.98** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (126.5 tỷ)**, **E1VFN30 (85.8 tỷ)** và **HPG(76.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-19.25** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1236.05

Giá trị: 15003.4 tỷ 11.6 (0.95%)

Khối ngoại (ròng): 122.98 tỷ

HNX-INDEX 291.24

Giá trị: 2711.28 tỷ -3.65 (-1.24%)

Khối ngoại (ròng): -19.25 tỷ

UPCOM-INDEX 82.84

Giá trị: 1473.9 tỷ 0.57 (0.69%)

Khối ngoại (ròng): -11.55 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	60.3	-1.86%
Giá vàng	1,727	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,076	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,190	0.37%
Tỷ giá JPY/VND	20,864	0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.6%	21.60%
LS TPCP 5 năm	1.2%	4.35%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	126.5	CTG	-178.9
E1VFN30	85.8	MBB	-49.6
HPG	76.6	BID	-38.0
VHM	75.7	BVH	-29.3
STB	48.2	VIC	-24.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 5/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	60.79	-1.07%	-1.30%	-4.40%	72.21%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.12	-1.14%	-0.50%	0.90%	55.03%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	199.43	-1.38%	-0.30%	0.00%	90.31%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1725.99	-0.17%	0.80%	1.70%	0.52%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.75	-1.04%	0.40%	-2.40%	60.06%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1415.75	0.98%	1.60%	0.40%	67.64%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	612.00	0.16%	-0.80%	-6.00%	9.68%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.54	0.49%	5.90%	2.50%	19.69%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	226.57	-0.27%	-0.50%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.71	-0.41%	-2.50%	-10.50%	34.58%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	121.60	-1.54%	-3.90%	-9.20%	0.21%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	8790.00	0.05%	0.10%	-4.10%	79.50%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	772.94	2.04%	4.30%	3.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	839.79	1.69%	7.00%	8.20%			
Nhôm	USD/ton	2225.50	0.61%	-0.90%	0.60%	49.26%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	148.77	1.53%	6.80%	-5.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	91.90	1.60%	0.30%	9.60%	37.78%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent giảm 0.96 USD hay 1.5% xuống 63.90 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 0.89 USD hay 1.5% lên 60.56 USD/thùng. OPEC+ nói lỏng hạn chế cung dầu từ 7 triệu thùng/ngày trong tháng 4, về 6.5 triệu thùng/ngày trong tháng 5.
- Goldman Sachs nhận định quyết định trên tương đối thận trọng. Cầu dầu được kỳ vọng sẽ tăng mạnh tại mùa hè, và cần thêm 2 triệu thùng/ngày của OPEC+. Mỹ và Iran sẽ họp tuần này về nói lỏng các biện pháp trừng phạt nước này.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.3% xuống 1,723.16 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York duy trì tại 1,761.20 USD/ounce.

	5/4	% 5/4	2/4	% 2/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1236.05	0.95%	1224.45	0.69%	5.13%	5.78%
S&P 500			4019.87	1.18%	2.82%	3.86%
HĐTL S&P500	4027.75	0.01%	4027.25	0.43%	1.74%	7.25%
Shang- hai	3484.39	0.52%	3466.33	0.71%	1.93%	-2.59%
Euro Stoxx	3945.96	0.68%	3919.21	-0.18%	2.96%	6.43%

Phân tích kỹ thuật

VCB_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: VCB đang ở trong trạng thái tăng giá trở lại sau khi có sự điều chỉnh ngắn hạn trong hơn 1 tháng vừa qua. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có tiềm năng duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VCB nằm tại khu vực xung quanh 100. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 112.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 97 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

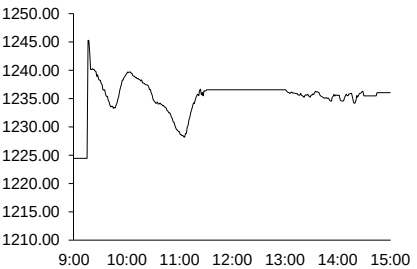
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-1.00%
Dầu khí	-0.99%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.45%
Bán lẻ	-0.37%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.22%
Hóa chất	-0.16%
Công nghệ Thông tin	-0.13%
Du lịch và Giải trí	-0.12%
Thực phẩm và đồ uống	-0.06%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.18%
Y tế	0.29%
Xây dựng và Vật liệu	0.38%
Tài nguyên Cơ bản	0.43%
Truyền thông	0.49%
Ô tô và phụ tùng	0.74%
Dịch vụ tài chính	0.74%
Bất động sản	1.11%
Ngân hàng	1.79%

Hình 1

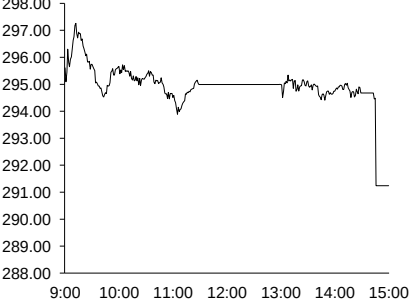
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

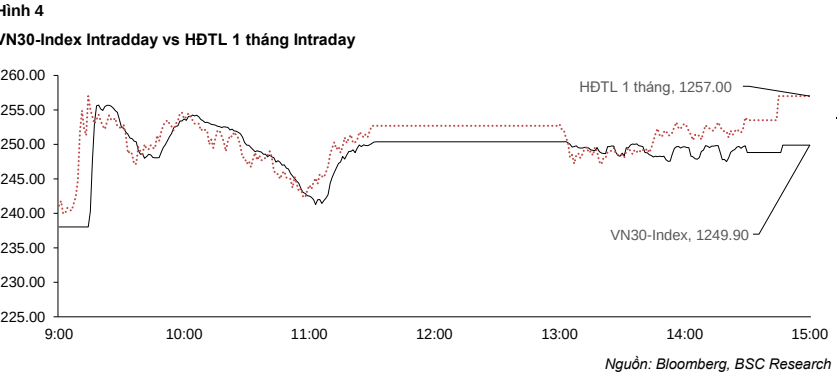
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	17.55	3	1.45%	Có thể tiếp tục mua
4/1/2021	VNM	101	110	98	102.6	4	1.58%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/31/2021	SAB	180	200	173	179.5	5	-0.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	34.45	6	1.77%	Có thể tiếp tục mua
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	25.4	7	-0.59%	Có thể tiếp tục mua
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	14.25	10	27.23%	Có thể tiếp tục mua
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	5.96	11	1.36%	Có thể tiếp tục mua
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	8.9	12	20.27%	Có thể tiếp tục mua
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	14.1	13	-2.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	60.7	17	-0.49%	Có thể tiếp tục mua
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	29.05	18	1.75%	Có thể tiếp tục mua
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	30.9	19	2.15%	Có thể tiếp tục mua
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	24.3	32	5.88%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	14.95	42	5.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	39.1	55	1.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	85.5	61	3.01%	Có thể tiếp tục mua
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	33	63	6.45%	Có thể tiếp tục mua
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	9.6	68	0.00%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	TP	20	12.44%
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	TP	9	13.76%
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	TP	23	10.10%
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	SL	15	-6.49%
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	SL	21	-7.06%
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	FS	14	13.13%
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	SL	20	-5.06%
3/1/2021	FCN	12.9	16	12	FS	14	14.34%
2/26/2021	VCS	86.2	95	79.8	TP	28	10.21%
2/25/2021	HVN	29	32	27	TP	5	10.34%
2/24/2021	SHS	26.7	32	22.8	TP	37	19.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	14	4	5.68%	-0.86%	4.22%	25
Cổ phiếu đã chốt	124	64	13.19%	-8.04%	5.96%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2104	1257.00	1.86%	7.10	4.0%	140,627	4/15/2021	12
VN30F2105	1259.40	-0.06%	9.50	46.9%	376	5/20/2021	47
VN30F2106	1252.10	1.76%	2.20	30.0%	130	6/17/2021	75
VN30F2109	1251.50	1.34%	1.60	43.3%	96	9/16/2021	166

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +11.87 điểm, lên 1249.90 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, MBB, NVL, STB, VIC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1245-1255 điểm. VN30 có thể tiếp tục duy trì vận động tăng trong những phiên tiếp theo VN30 có thể tiếp tục duy trì vận động tăng trong những phiên tiếp theo
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVIC2004	4/27/2021	22	20:1	952,600	30.39%	1,000	1,350	10.66%	1,230	1.10	119,999	99,999	124,300
CVRE2014	5/4/2021	29	1:1	298,900	33.75%	4,600	7,300	9.94%	7,111	1.03	32,100	27,500	34,500
CSTB2102	6/4/2021	60	1:1	234,700	40.76%	2,000	6,100	9.91%	5,374	1.14	20,000	18,000	23,150
CVIC2005	6/11/2021	67	10:1	967,800	30.39%	1,500	2,510	8.66%	1,915	1.31	121,868	106,868	124,300
CNVL2003	6/11/2021	67	10:1	1,430,300	23.95%	1,000	2,400	6.67%	2,208	1.09	73,979	63,979	85,500
CHDB2007	4/27/2021	22	5:1	841,900	33.59%	1,300	3,650	6.10%	178	20.53	20,771	16,831	27,650
CSTB2017	4/26/2021	21	1:1	337,000	40.76%	2,680	7,900	6.04%	7,892	1.00	17,980	15,300	23,150
CSTB2016	5/4/2021	29	2:1	618,800	40.76%	1,200	4,540	5.58%	4,531	1.00	16,541	14,141	23,150
CSTB2010	6/11/2021	67	2:1	602,000	40.76%	1,100	5,680	4.99%	5,628	1.01	14,199	11,999	23,150
CHPG2102	7/5/2021	91	1:1	232,600	32.97%	6,600	10,600	4.43%	9,202	1.15	47,600	41,000	49,300
CSTB2007	4/27/2021	22	2:1	595,900	40.76%	1,500	6,140	4.24%	6,113	1.00	13,999	10,999	23,150
CSTB2014	6/14/2021	70	1:1	455,400	40.76%	3,800	11,310	3.76%	11,259	1.00	15,800	12,000	23,150
CMBB2010	6/14/2021	70	1:1	353,500	33.97%	4,600	14,400	3.60%	14,545	0.99	20,600	16,000	30,400
CSTB2103	8/9/2021	126	2:1	906,600	40.76%	1,400	3,390	3.04%	2,881	1.18	20,800	18,000	23,150
CVRE2013	7/30/2021	116	1:1	209,400	33.75%	5,000	8,280	2.73%	7,693	1.08	32,500	27,500	34,500
CTCB2012	7/30/2021	116	1:1	72,900	35.16%	5,400	20,050	0.70%	19,830	1.01	27,400	22,000	41,500
CHPG2018	5/14/2021	39	4:1	617,100	32.97%	1,200	4,900	0.20%	4,863	1.01	34,799	29,999	49,300
CTCB2101	10/5/2021	183	1:1	169,300	35.16%	5,000	13,500	0.00%	3,386	3.99	36,000	31,000	41,500
CVPB2103	8/9/2021	126	2:1	204,800	38.62%	2,700	5,850	-1.35%	5,567	1.05	41,900	36,500	46,450
Tổng				10,101,500	35.79%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 5/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- CVIC2004 và CVRE2011 tăng mạnh lần lượt là 10.66% và 10.00%. Giá trị giao dịch tăng 12.12%. CSTB2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.10% thị trường.
- CHPG2025, CFPT2017, CFPT2014, CHPG2024, và CVPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2013, CHPG2025, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CHPG2014, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.1	-0.5%	1.0	2,718	2.1	8,654	15.5	3.9	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	88.8	0.1%	1.0	878	2.0	4,532	19.6	3.9	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	60.7	-1.8%	1.5	1,959	2.7	2,087	29.1	2.3	27.6%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.8	0.3%	0.5	319	0.0	3,404	9.6	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	124.3	1.1%	0.7	18,280	12.3	1,689	73.6	5.1	14.4%	7.1%
VRE	Bất động sản	34.5	1.9%	1.1	3,408	10.4	1,048	32.9	2.7	30.5%	8.5%
VHM	Bất động sản	101.7	1.0%	1.1	14,545	11.9	8,314	12.2	3.9	22.2%	38.6%
DXG	Bất động sản	24.4	-0.4%	1.3	550	4.4	(956)		2.1	33.5%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	35.0	2.0%	1.4	983	28.4	2,094	16.7	2.1	41.3%	13.1%
VCI	Chứng khoán	66.8	0.8%	1.0	481	3.4	4,662	14.3	2.4	25.6%	17.9%
HCM	Chứng khoán	33.3	1.8%	1.5	442	7.7	1,738	19.2	2.3	46.1%	12.1%
FPT	Công nghệ	79.6	-0.3%	0.9	2,713	5.2	4,520	17.6	4.0	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	80.0	3.5%	0.4	952	0.1	5,165	15.5	4.6	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	89.4	-1.0%	1.3	7,439	2.8	4,102	21.8	3.5	2.9%	16.2%
PLX	Dầu khí	55.9	-1.1%	1.5	3,023	4.1	723	77.3	3.2	16.4%	4.5%
PVS	Dầu khí	23.4	-0.8%	1.6	486	7.5	1,357	17.2	0.9	8.9%	5.4%
BSR	Dầu khí	18.0	1.1%	0.8	2,426	14.6	(909)	N/A	1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.8	-0.1%	0.4	567	0.0	5,443	18.3	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	20.2	-0.7%	0.7	344	1.7	1,765	11.4	1.0	13.7%	8.6%
DCM	Hóa chất	18.0	-0.6%	0.6	413	2.3	1,017	17.6	1.5	3.4%	8.7%
VCB	Ngân hàng	102.0	4.3%	1.1	16,448	15.6	4,975	20.5	4.0	23.4%	21.1%
BID	Ngân hàng	45.6	1.2%	1.3	7,965	11.8	1,740	26.2	2.4	17.1%	9.3%
CTG	Ngân hàng	42.0	1.7%	1.4	6,799	29.6	3,678	11.4	1.8	27.1%	16.9%
VPB	Ngân hàng	46.5	0.5%	1.2	4,958	6.4	4,271	10.9	2.2	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	30.4	2.7%	1.2	3,699	34.2	2,965	10.3	1.8	23.0%	19.2%
ACB	Ngân hàng	34.8	0.3%	1.0	3,266	11.3	3,557	9.8	2.1	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	59.6	-0.7%	0.7	212	0.3	6,385	9.3	2.0	81.2%	21.2%
NTP	Nhựa	36.3	0.0%	0.5	186	0.0	3,526	10.3	1.7	18.9%	16.1%
MSR	Tài nguyên	20.9	-1.4%	0.7	999	0.5	39	535.9	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	49.3	0.5%	1.1	7,102	32.9	4,060	12.1	2.8	30.1%	25.2%
HSG	Thép	28.9	-0.2%	1.4	558	9.3	3,387	8.5	1.8	7.4%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	102.6	-0.1%	0.7	9,323	12.7	4,770	21.5	6.9	56.0%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	179.5	-0.3%	0.8	5,005	2.3	7,064	25.4	5.8	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	93.0	0.3%	0.9	4,750	10.5	1,054	88.2	6.9	32.2%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.7	-0.9%	1.2	609	2.5	946	24.0	1.8	8.0%	7.4%
ACV	Vận tải	73.5	-1.6%	0.8	6,957	1.2	3,450	21.3	4.4	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	132.3	0.0%	1.1	3,013	2.6	132		4.6	19.1%	0.5%
HVN	Vận tải	33.4	-0.4%	1.7	2,060	1.8	(7,647)		7.4	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	34.5	-1.0%	1.0	451	3.5	1,149	30.0	1.8	37.7%	5.8%
PVT	Vận tải	17.6	-0.3%	1.3	247	1.7	2,068	8.5	1.2	12.6%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	97.7	-0.8%	1.0	680	0.9	8,257	11.8	4.1	3.7%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.4	3.4%	0.4	710	0.6	1,340	27.2	2.6	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.5	-0.5%	0.9	307	0.8	1,592	11.6	1.3	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	72.3	-1.8%	1.0	234	3.2	4,158	17.4	0.7	45.2%	3.8%
CII	Xây dựng	25.4	-2.1%	0.5	264	4.9	1,030	24.7	1.3	32.3%	5.1%
REE	Điện	53.6	-0.2%	-1.4	720	0.9	5,250	10.2	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	28.0	0.4%	-0.4	233	0.6	2,438	11.5	1.3	11.8%	13.8%
POW	Điện	13.7	0.4%	0.6	1,390	7.5	938	14.6	1.1	3.7%	7.9%
NT2	Điện	22.5	-0.4%	0.5	282	0.3	2,095	10.7	1.5	15.3%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	39.1	-0.8%	1.1	799	6.3	478	81.9	1.9	21.5%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	57.4	0%	1.0	2,583	0.0			3.8	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	102.00	4.29	4.15	3.59MLN
VIC	124.30	1.06	1.17	2.25MLN
NVL	85.50	4.27	0.92	3.89MLN
VHM	101.70	0.99	0.89	2.65MLN
VIB	53.30	5.13	0.77	1.32MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.46	723500	1.11MLN
BVH	0.00	-0.22	1.02MLN	607060
PLX	0.00	-0.21	1.66MLN	373600
KDH	0.00	-0.09	2.11MLN	192700
MWG	0.00	-0.09	364100	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PMG	38.30	6.98	0.03	67700.00
SC5	20.70	6.98	0.01	1000
LEC	13.05	6.97	0.01	5700
DPG	36.85	6.97	0.03	977300
TSC	7.68	6.96	0.02	2.93MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	31.25	-6.99	-0.01	1100
HRC	52.20	-6.79	-0.03	300
LAF	16.50	-5.71	0.00	900.00
VMD	22.50	-5.66	-0.01	300
PJT	12.05	-5.49	0.00	600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	18.10	8.38	0.86	4.85MLN
THD	198.70	0.25	0.20	455500.00
VC3	20.20	9.78	0.16	63100
HUT	7.10	5.97	0.15	10.92MLN
BAB	29.20	0.34	0.11	44000

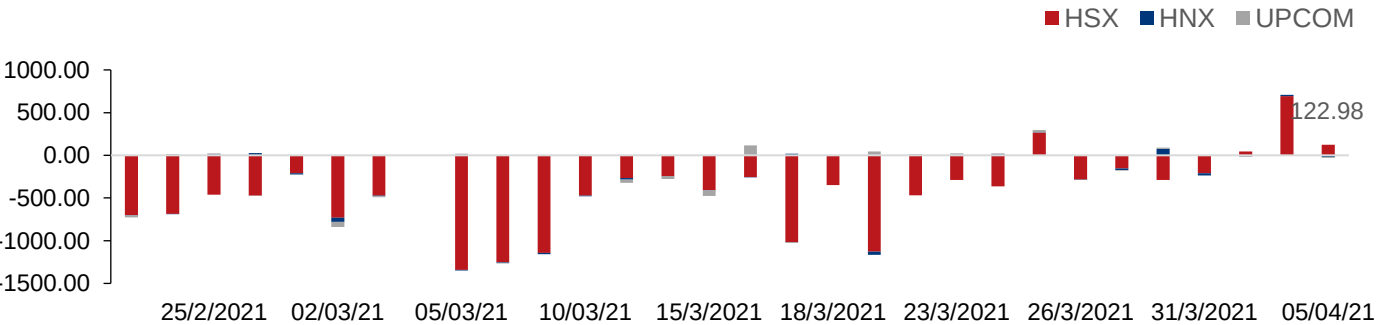
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	24.30	-10.00	-5.65	14.66MLN
IDC	38.70	-2.27	-0.20	3.27MLN
HHC	89.00	-9.18	-0.12	600
S99	26.50	-3.99	-0.07	1.36MLN
PVS	23.40	-0.85	-0.07	7.39MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM7	4.40	10.0	0.00	3000
TC6	5.50	10.0	0.01	252700
VC6	8.80	10.0	0.01	4900
SPI	17.90	9.8	0.03	437400
VC3	20.20	9.8	0.16	63100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L40	38.00	-11.63	-0.01	2300
SGC	99.90	-10.00	-0.04	300
SHB	24.30	-10.00	-5.65	14.66MLN
MCF	12.90	-9.79	-0.01	25100
HHC	89.00	-9.18	-0.12	600

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.6	1,390	11.9	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.8	3,557	9.8	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.5	3,450	21.3	4.4	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	30.8	4,043	7.6	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	42.0	3,678	11.4	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	59.7	13,724	4.4	1.5	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	68.8	5,734	12.0	2.6	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	120.5	6,245	19.3	4.5	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	20.2	1,765	11.4	1.0	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	29.1	2,158	13.5	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	24.4	-956		2.1	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	79.6	4,520	17.6	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	34.5	1,149	30.0	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.6	6,277	6.9	2.1	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	49.3	4,060	12.1	2.8	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	28.9	3,387	8.5	1.8	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.5	1,592	11.6	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	39.1	478	81.9	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	30.7	2,044	15.0	2.1	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	17.7			1.3	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	37.3	3,258	11.4	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	93.0	1,054	88.2	6.9	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	134.1	8,654	15.5	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	35.3	3,127	11.3	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	59.6	7,985	7.5	2.5	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.9	1,842	15.7	1.9	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	88.8	4,532	19.6	3.9	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.7	938	14.6	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	22.9	0	56.2	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.4	1,357	17.2	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	179.5	7,064	25.4	5.8	Click
36	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.7	946	24.0	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	41.5	3,521	11.8	2.0	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	102.0	4,975	20.5	4.0	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	45.8	4,239	10.8	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	17.6	563	31.3	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.5	3,953	10.0	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	102.6	4,770	21.5	6.9	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	101.7	8,314	12.2	3.9	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	28.3	943	30.0	2.4	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.8	875	13.5	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	131.0	9,182	14.3	7.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	46.5	4,271	10.9	2.2	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.5	1,048	32.9	2.7	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	86.8	4,060	21.4	6.0	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Triển vọng ngành dầu khí 2021		X	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	X		Click
3	Banking Sector Outlook		X	Click
4	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		X	Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	X		Click
6	Vietnam Sector Outlook 2021		X	Click
7	Vietnam Macro Market Outlook 2021	X		Click
8	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		X	Click
9	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	X		Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	X		Click
11	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		X	Click
12	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		X	Click
13	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		X	Click
14	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		X	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	X		Click
16	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	X		Click
17	Fishery Outlook 2021		X	Click
18	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	X		Click
19	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
20	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
21	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
22	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
23	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
24	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
27	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
28	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
31	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
32	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
34	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
35	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
36	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
39	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
40	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639